

Số: 08/2025/CBTT-VĐ
No: 08/2025/CBTT-VD

Thái Bình, ngày 19 tháng 04 năm 2025
Thai Binh, April 19, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/Tô: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities*
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/ *Hochiminh Stock Exchanges*

- Tên Công ty/Name of Company:** Công ty cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng/ *Vu Dang Investment & Trading Joint Stock Company*
 - Mã chứng khoán/Stock code: SVD
 - Địa chỉ/Address: Cụm Công nghiệp Đông Phong, xã Đông Quan, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình/ *Dongphong Industrial Zone, Dongquan Village, Donghung District, Thaibinh Province, Vietnam.*
 - Điện thoại/Tel: 0903 022 222
 - Email: ctvudang@vudang.vn
- Nội dung thông tin công bố/ Contents of disclosure:**
Báo cáo thường niên năm 2024/ Annual report 2024
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 19/04/2025 tại đường dẫn: <https://www.vudang.vn/> / This information was published on the company's website on 19/04/2025, as in the link: <https://www.vudang.vn/>**

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã công bố/ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CÔNG TY
LEGAL REPRESENTATIVE OF THE COMPANY

TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR



VŨ TUẤN PHƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
THƯƠNG MẠI VŨ ĐĂNG
Năm báo cáo 2024

Thái Bình, tháng 4 năm 2025



MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	3
I. THÔNG TIN CHUNG.....	4
1. Thông tin khái quát	4
2. Quá trình hình thành và phát triển:	4
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	5
5. Chiến lược kinh doanh	6
6. Các rủi ro.....	8
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024.....	10
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2024	10
2. Tổ chức và nhân sự	11
3. Tình hình đầu tư	15
4. Tình hình tài chính	15
5. Cơ cấu cổ đông.....	16
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	17
III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	19
1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024	19
2. Tình hình tài chính	19
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý	20
4. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025.....	20
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty ...	21
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	21
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty	21
2. Đánh giá của Hội Đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.....	21
3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT.....	22
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	22
1. Hội đồng quản trị.....	22
2. Ban kiểm soát.....	25
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	27

1. Ý kiến kiểm toán.....	27
2. Báo cáo tài chính.....	27

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BHTN	: Bảo hiểm thất nghiệp
BHXH	: Bảo hiểm xã hội
BHYT	: Bảo hiểm y tế
BKS	: Ban kiểm soát
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
CBTT	: Công bố thông tin
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
ĐVT	: Đơn vị tính
EU	: Liên minh châu Âu
GCN	: Giấy chứng nhận
GPXD	: Giấy phép xây dựng
HDQT	: Hội đồng quản trị
HOSE	: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
SGDCK	: Sở Giao dịch Chứng khoán
SVD	: Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TP.HCM	: Thành phố Hồ Chí Minh
UBCK	: Ủy ban Chứng khoán
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng
- Tên tiếng anh: Vu Dang Investment & Trading Joint Stock Company
- Tên viết tắt: VuDang.,JSC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0600986828 cấp lần đầu ngày 05/04/2013 tại Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 29/11/2022 tại Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình.
- Vốn điều lệ: 276.059.080.000 đồng
- Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Đông Phong, xã Đông Quan, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
- Số điện thoại: 0903.022.222
- Website: <https://vudang.vn/>
- Mã cổ phiếu: SVD Sàn giao dịch: HOSE

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng được thành lập ngày 05/04/2013 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600986828 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp với vốn điều lệ ban đầu là 05 tỷ đồng.
- Ngày 11/04/2018, Công ty nhận được Giấy phép xây dựng số 29/2018/GPXD và Giấy phép xây dựng số 13/2019/GPXD của Sở Xây dựng tỉnh Thái Bình chấp thuận cho Công ty thực hiện Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sợi tại Cụm Công nghiệp Đông Phong, xã Đông Phong (nay là xã Đông Quan), huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Ngày 01/01/2019, công ty chính thức đi vào hoạt động với công suất là 3.431 tấn sợi/ năm.
- Ngày 19/12/2019, Công ty nhận được quyết định của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt chủ trương điều chỉnh đầu tư Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất sợi tại Cụm Công nghiệp Đông Phong, xã Đông Phong, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, nâng công suất lên 9.438 tấn sợi/năm, tăng 2,75 lần so với công suất ban đầu. Đến nay, dự án đã hoàn tất và đi vào hoạt động.
- Ngày 02/02/2021, Mã chứng khoán SVD của Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM.
- Hiện nay công ty đã đạt quy mô vốn điều lệ 276.059.080.000 đồng. Trong quá trình phát triển, Công ty đã tạo được tiếng vang tốt, không chỉ đối với đối tác khách hàng mà còn tạo được uy tín tốt đối với nhân dân địa phương và nhà đầu tư.

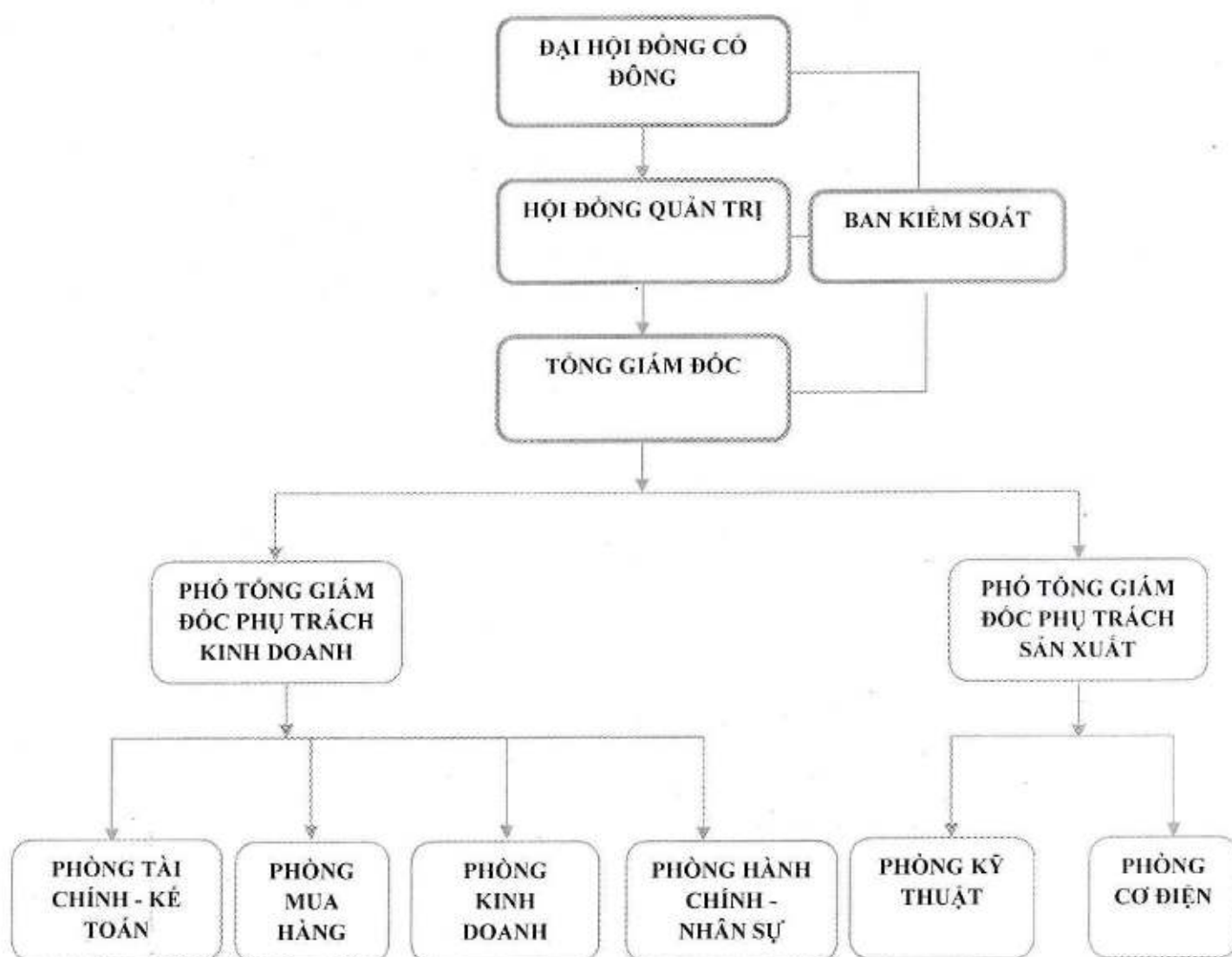
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh
 - + Sản xuất sợi
 - + Bán buôn bông các loại
 - + Kinh doanh thương mại thép, vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng
- Địa bàn kinh doanh: Cung cấp cho thị trường nội địa.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Công ty hiện tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

- Cơ cấu bộ máy quản lý:



❖ **Đại hội đồng cổ đông:**

- Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm họp một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, hoặc có thể gia hạn nhưng không quá sáu tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

- Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát. Đại hội đồng cổ đông có quyền xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty, quyết định tổ chức lại hoặc giải thể công ty và thông qua định hướng phát triển của Công ty.

❖ **Hội đồng quản trị**

- Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị hoạt động của Công ty, quyết định các vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh, đề xuất chính sách trả cổ tức và các vấn đề quan trọng khác trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Đứng đầu HĐQT là Chủ tịch HĐQT. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Chủ tịch và các thành viên HĐQT thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT.

❖ **Ban kiểm soát**

- Ban kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của Hội đồng Quản trị, hoạt động điều hành kinh doanh của Tổng Giám đốc; Trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

❖ **Tổng giám đốc**

- Tổng Giám đốc được HĐQT bổ nhiệm có quyền và nhiệm vụ thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo quy chế hoạt động của HĐQT.

- Giúp việc cho Tổng Giám đốc là Ban điều hành gồm có các Phó Tổng Giám đốc, và Kế toán trưởng. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm năm và có thể được tái bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

❖ **Các phòng ban khác**

- Trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn theo sự chỉ đạo trực tiếp của các Trưởng Phòng ban và Ban điều hành; Thực hiện công tác kinh doanh và hỗ trợ công tác sản xuất.

- Thực hiện công tác quản lý và nhiệm vụ cụ thể của từng phòng/ban theo quy chế hoạt động của Công ty. Đáp ứng đầy đủ, kịp thời các nội dung công việc theo kế hoạch đề ra.

5. Chiến lược kinh doanh

❖ **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

- Nâng cao hiệu quả kinh doanh và tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông. Duy trì ngành

nghe cốt lõi của Công ty, đồng thời đầu tư có chọn lọc một số lĩnh vực có tiềm năng tăng trưởng cao.

- Đa dạng hóa và mở rộng thị trường xuất khẩu, tìm kiếm và khai thác các thị trường mới cũng như các tệp khách hàng tiềm năng.
- Đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cấp hệ thống máy móc thiết bị; Ứng dụng số hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh để nâng cao hiệu suất, năng lực cạnh tranh.
- Phát triển doanh nghiệp từ nguồn vốn huy động của các cá nhân, tổ chức, ngân hàng, quỹ đầu tư... cải thiện công tác quản lý tài chính để đảm bảo sự phát triển bền vững.

❖ Chiến lược phát triển trung dài hạn:

- Đầu tư vào công nghệ sản xuất xanh, bảo vệ môi trường và sử dụng năng lượng tái tạo. Các nhà máy sẽ được cải tiến để đáp ứng các tiêu chuẩn xanh, bền vững, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, tạo ra một đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao, sáng tạo và đáp ứng được yêu cầu của công ty. Đẩy mạnh các chương trình đào tạo và phát triển nghề nghiệp để nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng sáng tạo của nhân viên.
- Huy động nguồn vốn từ các quỹ đầu tư, tập đoàn tài chính, ngân hàng và các tổ chức kinh tế có tiềm lực mạnh, đồng thời hỗ trợ chiến lược phát triển dài hạn từ đó nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, cân đối giữa vốn chủ sở hữu và vốn vay nhằm giảm rủi ro tài chính, gia tăng hiệu suất hoạt động.
- Hoàn thiện các hệ thống Quản trị tài chính, Quản trị vận hành và Quản trị rủi ro theo hướng chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả để đảm bảo sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

❖ Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

- Tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, hướng tới các biện pháp bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tái tạo, khai thác hiệu quả các nguồn năng lượng và nguồn nước, đảm bảo đạt được các tiêu chí phát triển bền vững.
- Chú trọng công tác bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, an ninh trật tự, phòng chống bão lụt, an toàn vệ sinh thực phẩm, và an toàn lao động nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty diễn ra an toàn và hiệu quả.
- Nâng cao đời sống của từng người lao động từ công ăn việc làm, mức thu nhập ổn định và các hoạt động chương trình đời sống tinh thần, giải trí. Hỗ trợ các chương trình xã hội với ngành, địa phương, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, hỗ trợ xây nhà tình thương cho công nhân...

❖ Định hướng thực hiện

- Về nguồn vốn: Đa dạng hóa nguồn vốn, đảm bảo chi phí vốn ở mức thấp, cân đối sử dụng vốn an toàn và hiệu quả.
- Về nguồn lực dự kiến: Xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, chú trọng công tác tuyển dụng và đào tạo; Xây dựng văn hóa doanh nghiệp rõ nét, nâng cao ý thức và kỷ luật người lao động, tăng năng suất lao động.
- Về kinh doanh: Bám sát diễn biến thị trường, linh hoạt trong xử lý tình huống, đa dạng thị trường tiêu thụ và khách hàng.
- Về công nghệ: Thường xuyên cập nhật công nghệ sản xuất mới với hiệu suất cao, sử dụng năng lượng thấp, tính năng tự động hóa cao.
- Về quản trị điều hành: Nâng cao năng lực quản trị điều hành, tiếp cận các chuẩn mực quốc tế, ban hành các quy chế quy trình rõ ràng, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả, bền vững.

6. Các rủi ro

➤ Rủi ro kinh tế

Rủi ro kinh tế là một trong những thách thức quan trọng có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của công ty. Biến động kinh tế vĩ mô, bao gồm lạm phát, suy thoái kinh tế, thay đổi tỷ giá hối đoái và biến động giá nguyên liệu đầu vào, có thể tác động trực tiếp đến chi phí sản xuất và lợi nhuận của doanh nghiệp. Ngoài ra, các chính sách tiền tệ, tài khóa của Chính phủ, đặc biệt là lãi suất và thuế suất, cũng có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn và kế hoạch mở rộng sản xuất của công ty.

Bên cạnh đó, sự cạnh tranh gia tăng trong ngành sản xuất sợi, cùng với những thay đổi trong xu hướng tiêu dùng và nhu cầu thị trường, có thể tạo ra áp lực lớn đối với doanh thu và thị phần của công ty.

Biện pháp: Công ty cần có chiến lược quản lý tài chính linh hoạt, kiểm soát chi phí hiệu quả, đa dạng hóa nguồn cung ứng và tìm kiếm thị trường tiềm năng nhằm duy trì sự ổn định và tăng trưởng bền vững.

➤ Rủi ro pháp lý

Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, đã trở thành Công ty đại chúng, tiến hành niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Việt Nam đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, vì vậy, pháp luật và các chính sách của nước ta thường xuyên có những thay đổi để phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế. Doanh nghiệp đang trong quá trình hoạt động luôn phải đối mặt với các rủi ro biến động chính sách và quy định pháp luật. Mỗi sự thay đổi của chính sách pháp luật của nhà nước

đều tác động ít nhiều đến quá trình thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Biện pháp: Công ty luôn theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của mình, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Công ty.

➤ **Rủi ro tín dụng, lãi suất**

* Rủi ro tín dụng:

Rủi ro tín dụng phát sinh khi khách hàng hoặc đối tác kinh doanh không có khả năng thanh toán các khoản nợ đúng hạn, ảnh hưởng đến dòng tiền và hoạt động tài chính của công ty.

Biện pháp: Công ty đã thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro tín dụng thông qua việc đánh giá năng lực tài chính của khách hàng, theo dõi hạn mức tín dụng và thực hiện các biện pháp thu hồi công nợ kịp thời. Bên cạnh đó, công ty cũng có chính sách trích lập dự phòng nợ xấu để giảm thiểu tác động tiêu cực khi có khách hàng không thể thanh toán.

* Rủi ro lãi suất:

Lãi suất luôn đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển và hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Các biến động về lãi suất có thể làm gia tăng chi phí vay vốn và từ đó tác động đến chi phí vận hành và kết quả hoạt động của doanh nghiệp. Bất kỳ sự gia tăng lãi suất nào trong thời gian tới cũng có thể ảnh hưởng đến chi phí vay do đó ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Biện pháp: Công ty luôn chủ động cập nhật thông tin về thay đổi lãi suất và tỷ giá để có những quyết định phù hợp với nguồn vay vốn của công ty.

➤ **Rủi ro nguyên vật liệu**

Với lĩnh vực sản xuất sợi, bông là nguyên liệu đầu vào chiếm tỷ trọng 70% giá thành sợi thành phẩm. Tuy nhiên, bông là sản phẩm nông nghiệp do đó chất lượng, số lượng và giá cả bông phụ thuộc và vụ mùa, thời tiết, chính sách điều tiết sản lượng cung ứng của các khu vực lớn trên thế giới như Trung Quốc, Mỹ, Châu Phi.....Trong khi đó sản lượng sản xuất bông hiện nay của Việt Nam là thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu cung cấp nguồn nguyên liệu cho ngành dệt may. Nguồn nguyên liệu của ngành chủ yếu vẫn phải nhập khẩu, kéo theo hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành cũng như Công ty phụ thuộc nhiều vào thị trường cung cấp nguồn nguyên liệu của nước ngoài.

Biện pháp: Công ty đã chủ động tìm kiếm, mở rộng nguồn cung cấp nguyên vật liệu để không phụ thuộc quá nhiều vào bất kỳ nhà cung cấp nào. Nhà cung cấp của Công ty đều là các đơn vị cung cấp bông uy tín trên thị trường, đảm bảo nguồn nguyên liệu cả về chất lượng lẫn số lượng.

Ngoài ra, Công ty cũng chủ động điều chỉnh giá bán theo sự biến động của giá nguyên vật liệu tại từng thời điểm khác nhau, đảm bảo sự biến động giá của nguyên vật liệu không gây ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận của Công ty.

➤ **Rủi ro cạnh tranh**

Rủi ro cạnh tranh là rủi ro mất khả năng cạnh tranh của của doanh nghiệp trên thị trường. Trong những năm gần đây, Việt Nam là một trong rất ít các quốc gia tại châu Á đã mở rộng hoạt động sản xuất của ngành kéo sợi. Không chỉ có các nhà đầu tư nước ngoài như Texthong Group (Hong Kong), Kuyng Bang Việt Nam (Hàn Quốc), Itochu (Nhật Bản) mà các doanh nghiệp lớn trong nước như Vinatex, Đại Cường, Phú Bài, Thiên Nam cũng đã tăng vốn đầu tư vào ngành công nghiệp này. Hầu hết các doanh nghiệp xuất khẩu phần lớn lượng sợi sản xuất ra. Vì vậy, tình hình cạnh tranh về giá bán ngày càng gay gắt. Không chỉ thế, việc các hiệp định thương mại tự do được ký kết và có hiệu lực không chỉ tạo ra cơ hội mà cũng thêm nhiều thách thức đối với các doanh nghiệp dệt may do họ phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt từ các doanh nghiệp mới (cả trong nước và nước ngoài) thành lập hoặc mở rộng nhà máy tại Việt Nam để được hưởng lợi ích từ các hiệp định này.

Biện pháp: Công ty đã thực hiện đầu tư máy móc hiện đại, đào tạo đội ngũ lao động lành nghề và áp dụng các biện pháp kiểm soát chặt chẽ chất lượng cũng như chi phí, đồng thời xây dựng chiến lược marketing hiệu quả để giữ vững và mở rộng thị phần.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2024

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ % so với năm trước	Tỷ lệ % so với KH thực hiện
1	Doanh thu thuần	258,7	350	342,5	32,3%	97,9%
2	Lợi nhuận sau thuế	-36,5	1	13,5	137,2%	1.359%

- Doanh thu thuần năm 2024 đạt 342,5 tỷ đồng, đạt 97,9% so với kế hoạch.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2024 đạt 13,5 tỷ đồng, đạt 1.359% so với kế hoạch.

Năm 2024 đánh dấu bước phục hồi rõ nét trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng sau giai đoạn gặp nhiều khó khăn. Doanh thu thuần cả năm đạt 342,5 tỷ đồng, tăng hơn 32,3% so với năm 2023. Lợi nhuận sau thuế đạt

13,5 tỷ đồng, chuyển từ lỗ hơn 36 tỷ đồng năm trước sang có lãi, hoàn thành mục tiêu lợi nhuận được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua.

Công ty đã nỗ lực trong việc nâng cao hiệu quả quản lý, tiết giảm chi phí và linh hoạt ứng phó với biến động thị trường. Trong năm, Công ty cũng thực hiện nhiều điều chỉnh về chiến lược kinh doanh, tập trung vào các dòng sản phẩm có giá trị gia tăng cao, đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế. Hoạt động tái cấu trúc danh mục khách hàng và mở rộng thị trường trong nước được đẩy mạnh, giúp giảm sự phụ thuộc vào thị trường xuất khẩu trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động. Chi phí sản xuất và chi phí tài chính được kiểm soát tốt nhờ tối ưu hóa quy trình sản xuất, chủ động cân đối nguồn vốn và cơ cấu lại các khoản vay. Bên cạnh đó, Công ty cũng tăng cường hợp tác với các nhà cung cấp nguyên liệu chiến lược trong khu vực để đảm bảo ổn định đầu vào, góp phần giữ vững chất lượng và tiến độ sản xuất.

Những kết quả đạt được trong năm 2024 là nền tảng quan trọng để Công ty tiếp tục mở rộng quy mô, tăng cường năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban lãnh đạo

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Vũ Tuấn Phương	Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT	5.519.060	19,99%
2	Ông Vũ Hoàng Nam	Phó Tổng Giám đốc	0	0%
3	Bà Trần Thị Khánh Linh	Kế toán trưởng	0	0%

Lý lịch ban lãnh đạo Công ty

* Ông Vũ Tuấn Phương: Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1976

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ tài chính

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
2000 - 03/2003	Công ty bảo hiểm PJICO	Nhân viên

2003 - 03/2008	Công ty Vạn Tường	Giám đốc chi nhánh
04/2008 - 2013	Công ty Bảo hiểm MIC	Phó Tổng Giám đốc
11/2010 - 11/2017	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Vượng	Giám đốc
2013 - 11/2017	Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng	Phó Giám đốc
12/2017 - 03/2020	Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng	Giám đốc
05/2015 - 03/2020	Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng	Chủ tịch HĐQT
04/2020 - nay	Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng	Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT

*** Ông Vũ Hoàng Nam**

- Năm sinh: 1978

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
09/2009 - 08/2019	Công ty Vạn Tường - Quận khu 5	Giám đốc
09/2019 - 03/2020	Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng	Phó Giám đốc
04/2020 - nay	Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng	Phó Tổng Giám đốc
05/2020 - nay	Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng	Người được ủy quyền CBTT

*** Bà Trần Thị Khánh Linh**

- Năm sinh: 1998

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/2020 - 06/2021	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng	Nhân viên kế toán
07/2021 - nay	Công ty CP Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng	Kế toán trưởng

2.2. Những thay đổi trong ban lãnh đạo

- Ngày 18/06/2024: Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc đối với ông Mai Anh Tuấn (Lý do: ông Mai Anh Tuấn có đơn xin từ nhiệm).

2.3. Số lượng cán bộ, công nhân viên

STT	Phân loại lao động	31/12/2024	Tỷ lệ
I	Phân loại theo trình độ lao động	89	100%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	10	11,2%
2	Trình độ Cao đẳng	08	9,0%
3	Trình độ Trung cấp, công nhân kỹ thuật	09	10,1%
4	Lao động phổ thông	62	69,7%
II	Phân theo thời hạn HĐLĐ	89	100%
1	Lao động thường xuyên	89	100%
2	Lao động thời vụ	0	0%
III	Phân theo giới tính	89	100%
1	Nam	57	64%
2	Nữ	32	36%

Mức lương bình quân của người lao động SVD qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Mức lương bình quân/người/tháng (đồng)	7.500.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000

2.4. Chính sách với người lao động**❖ Chế độ làm việc:**

- Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc không quá 08 giờ/ngày, 48 giờ trong tuần. Tùy theo điều kiện, khối lượng công việc và khả năng thực hiện nhiệm vụ mà tổ chức thực hiện chế độ làm việc 40 giờ trong tuần (05 ngày) nghỉ thứ 7, chủ nhật. Trường hợp phải làm thêm giờ do yêu cầu của sản xuất kinh doanh không quá 04 giờ trong một ngày và 200 giờ trong một năm.
- Nghỉ phép, nghỉ Lễ, Tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty được nghỉ Lễ, Tết, nghỉ ốm, thai sản theo quy định của Bộ Luật lao động, cụ thể:
 - + Nghỉ phép năm 12 ngày đối với người làm công việc trong điều kiện bình thường.
 - + Nghỉ phép năm 14 ngày đối với người làm công việc trong điều kiện đặc biệt nặng nhọc độc hại.
 - + Số ngày nghỉ phép được tăng theo thâm niên làm việc tại Công ty, cứ đủ 05 năm được nghỉ thêm 01 ngày, có đủ 30 năm trở lên được nghỉ thêm 06 ngày.
 - + Nghỉ Tết dương lịch 01 ngày; nghỉ Tết âm lịch 05 ngày; nghỉ Giỗ Tổ Hùng Vương 01 ngày; nghỉ lễ 30/04 01 ngày; nghỉ ngày Quốc tế lao động 01 ngày; nghỉ Quốc khánh 02 ngày.
- Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc. Những CBCNV do yêu cầu công việc phải đi công tác xa sẽ được hưởng phụ cấp công tác phí và thanh toán các khoản phí đi lại, ăn ở theo quy định của pháp luật.

❖ Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

Công ty có xây dựng một Quy chế đào tạo được công bố công khai tới toàn bộ CBCNV trong Công ty. Quy chế đào tạo được xây dựng phù hợp theo các yêu cầu của công việc. Việc tuyển dụng lao động đảm bảo công khai, công bằng theo quy định của Nhà nước. Tùy theo đặc điểm, điều kiện xã hội, yêu cầu sản xuất của Công ty trong từng thời kỳ, khi cần đối lao động thiếu nghề nào Công ty sẽ tuyển dụng nghề đó.

❖ Chính sách lương và thưởng:

CBCNV của Công ty được tham gia và hưởng các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tùy cương vị công tác mà CBCNV Công ty còn nhận được phụ cấp liên quan. Việc trả lương của Công ty được thực hiện theo nguyên tắc phân phối theo lao động, làm việc gì, giữ chức vụ gì thì trả lương theo công việc, chức vụ đó. Công ty luôn đảm bảo trả lương thỏa đáng (không hạn chế mức tối đa) đối với người có tài năng, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật và đóng góp nhiều cho đơn vị, nhằm tạo động lực khuyến khích, động viên CBCNV không ngừng phấn đấu tăng năng suất lao động, chất lượng công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Việc trả lương, thưởng luôn đảm bảo dân chủ, công khai.

❖ **Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:**

- Trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ, đảm bảo an toàn cho người lao động làm việc tại phân xưởng.
- Tổ chức nhà ăn tập thể đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

3. Tình hình đầu tư

Trong năm 2024, Công ty đã đẩy mạnh hoạt động đầu tư nhằm phục vụ mục tiêu phát triển dài hạn. Tổng giá trị đầu tư tài chính dài hạn tăng đáng kể, từ 0 đồng lên 38 tỷ đồng, thể hiện qua việc góp vốn vào Công ty Cổ phần M.A.P Global để mở rộng hoạt động, tìm kiếm cơ hội kinh doanh mới. Bên cạnh đó, chi phí xây dựng cơ bản dở dang cũng tăng từ 0,52 tỷ lên hơn 1,14 tỷ đồng, chủ yếu liên quan đến đầu tư cơ sở hạ tầng tại nhà máy sản xuất. Công ty đang ưu tiên chiến lược đầu tư chiều sâu, tập trung vào nâng cấp hệ thống sản xuất và mở rộng thị phần.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	% tăng/giảm
Tổng tài sản	353.948.658.440	398.523.886.986	-11,2%
Doanh thu thuần	342.459.873.057	258.764.636.574	32,3%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	13.913.981.289	-36.575.169.050	138%
Lợi nhuận khác	-59.897.558	42.297.497	-241,6%
Lợi nhuận trước thuế	13.854.083.731	-36.532.871.553	137,9%
Lợi nhuận sau thuế	13.594.782.332	-36.532.871.553	137,2%

4.2. Các chỉ tiêu chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2023
1. Khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,52	1,85
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,95	1,2
2. Cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	26,6	38,2
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	36,3	61,9
3. Năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	vòng	5,28	4,11
+ Vòng quay tổng tài sản	vòng	0,91	0,65
4. Khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,97	14,11
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	5,37	13,82
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3,61	9,15
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4,07	13,91

5. Cơ cấu cổ đông

a. Cổ phần: Tổng số cổ phần đang lưu hành là: 27.605.908 cổ phần phổ thông

Trong đó:

+ Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do là: 27.605.558 cổ phần

+ Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 350 cổ phần.

b. Cơ cấu cổ đông

➤ Cơ cấu cổ đông tại ngày 14/08/2024:

	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
- Cổ đông trong nước	27.495.485	99,60%
+ Cổ đông tổ chức	3.998	0,01%
+ Cổ đông cá nhân	27.491.487	99,59%
- Cổ đông nước ngoài	110.423	0,40%
+ Cổ đông tổ chức	37.983	0,14%
+ Cổ đông cá nhân	72.440	0,26%

Tổng cộng	27.605.908	100%
------------------	-------------------	-------------

➤ **Cổ đông lớn**

Cổ đông lớn	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Ông Vũ Tuấn Phương	5.519.060	19,99%

Ghi chú: Theo danh sách chốt ngày đăng ký cuối cùng 14/08/2024 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Các đợt tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu kể từ khi thành lập:

- 04/2013: Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng được chính thức thành lập theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0600986828 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp với vốn điều lệ là 05 tỷ đồng.
- 04/2018: Công ty phát hành thành công 300.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tăng vốn điều lệ từ 5 tỷ đồng lên 35 tỷ đồng.
- 03/2019: Công ty đã phát hành thành công 170.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ đồng lên 52 tỷ đồng.
- 12/2019: Công ty đã phát hành thành công 770.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tăng vốn điều lệ từ 52 tỷ đồng lên 129 tỷ đồng.
- 02/2022: Ngày 14/02/2022, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận số 20/GCN-UBCK cho phép SVD chào bán ra công chúng 12.900.000 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 129 tỷ đồng lên 258 tỷ đồng.
- 11/2022: Phát hành thành công 1.805.908 cổ phiếu trả cổ tức, tăng vốn điều lệ từ 258 tỷ đồng lên 276,06 tỷ đồng.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Công ty đã thực hiện Báo cáo kiểm kê khí nhà kính năm 2024, được lập bởi Công ty cổ phần giải pháp Công nghệ Việt Nam.

6.1. Tác động lên môi trường

- Tổng phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp: 4.345,66 CO₂
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:
 - Lắp đặt hệ thống điện mặt trời
 - Bảo dưỡng máy phát điện định kỳ
 - Thay thế thiết bị điện cũ bằng thiết bị tiết kiệm năng lượng

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm bao gồm:
 - + Nguyên vật liệu chính (bông): 5.062 tấn
 - + Nguyên vật liệu phụ (bao, túi, ống):
 - ✓ Bao: 95.600 chiếc
 - ✓ Ống: 1.439.000 chiếc
 - ✓ Túi: 7.200 kg
- Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.3. Tiêu thụ năng lượng

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp
 - Năng lượng tiêu thụ trực tiếp: Máy móc, máy phát điện, hệ thống chiếu sáng, quạt, thiết bị điện sinh hoạt, máy móc, điều hòa không khí...
 - Năng lượng tiêu thụ gián tiếp: Nước sinh hoạt...
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có
- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có

6.4. Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của hoạt động kinh doanh trong năm)

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng
 - * Nguồn cung cấp nước: Công ty TNHH 27-7 Tiên Phong
 - * Lượng nước sử dụng trong năm: 2.897 m³
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.5. Tuân thủ pháp luật và bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

Như đã nêu tại mục II phần 2.4

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn cam kết hoạt động vì sự phát triển của cộng đồng nhằm duy trì sự phát triển bền vững và tạo ra tác động tổng thể tích cực đến cộng đồng địa phương. Người lao động tại Công ty được làm việc trong một môi trường an toàn, khỏe mạnh, có cơ hội phát triển. Không chỉ xây dựng môi trường lao động lành mạnh, Công ty còn luôn kịp thời thăm hỏi những lao động bị ốm đau, mắc bệnh hiểm nghèo; động viên, ủng hộ, giúp đỡ các cộng

nhân, gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Do đó, người lao động luôn yên tâm làm việc và gắn bó lâu dài với Công ty, cùng nhau đoàn kết phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao.

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	% tăng/giảm
1	Tổng tài sản	353.948.658.440	398.523.886.986	-11,2%
2	Vốn chủ sở hữu	259.729.053.301	246.134.270.969	5,5%
3	Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	342.459.873.057	258.764.636.574	32,3%
4	Lợi nhuận trước thuế	13.854.083.731	-36.532.871.553	137,9%
5	Lợi nhuận sau thuế	13.594.782.332	-36.532.871.553	137,2%

Trong năm 2024, thị trường ngành sợi trong nước và thế giới tiếp tục chịu ảnh hưởng từ biến động kinh tế toàn cầu, đặc biệt là lạm phát, giá nguyên liệu và nhu cầu giảm sút từ các thị trường xuất khẩu chủ lực như Mỹ, EU. Giá bông thế giới không ổn định, trong khi chi phí vận chuyển và lao động vẫn ở mức cao, gây áp lực lên các doanh nghiệp dệt sợi.

Trong bối cảnh đó, Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng đã nỗ lực thực hiện các biện pháp khắc phục, tăng cường hoạt động kinh doanh, giúp cải thiện kết quả, đạt lợi nhuận và hoàn thành mục tiêu lợi nhuận được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Công ty đã ghi nhận những kết quả kinh doanh tích cực với sự tăng trưởng mạnh mẽ về doanh thu và lợi nhuận. Doanh thu thuần tăng 32,3% so với năm trước, hoạt động kinh doanh cải thiện rõ rệt. Đặc biệt, công ty đã chuyển từ tình trạng thua lỗ sang có lãi, với lợi nhuận sau thuế đạt hơn 13,5 tỷ đồng. Năm 2024 đánh dấu bước chuyển biến tích cực, tạo tiền đề cho sự phát triển ổn định và bền vững trong những năm tiếp theo của Công ty.

2. Tình hình tài chính

▪ Tình hình tài sản

Tính đến 31/12/2024, tổng tài sản của công ty đạt 353,95 tỷ đồng, giảm 44,57 tỷ đồng so với đầu năm. Trong đó:

- Tài sản ngắn hạn là 130,61 tỷ đồng, giảm 68 tỷ đồng, tương đương tỷ lệ giảm 34,26% so với năm 2023.

- Tài sản dài hạn là 223,34 tỷ đồng, tăng 23,49 tỷ đồng, tương đương tỷ lệ tăng 11,75% so với năm 2023.

▪ Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả tính đến thời điểm 31/12/2024 là 94,22 tỷ đồng, giảm 58,17 tỷ đồng so với đầu năm 2024, tương ứng tỷ lệ giảm 38,17%. Nợ dài hạn giảm mạnh từ 45,26 tỷ đồng xuống còn 8,24 tỷ đồng do Công ty đã chủ động trả trước các khoản vay, góp phần cải thiện đáng kể cơ cấu tài chính và giảm chi phí tài chính cho doanh nghiệp.

Công ty đã quản lý tốt các khoản vay ngắn hạn, đảm bảo sử dụng đúng mục đích và kịp thời phục vụ nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc sử dụng vốn lưu động được thực hiện hiệu quả, góp phần duy trì dòng tiền ổn định và nâng cao hiệu suất hoạt động.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện cấu trúc lại bộ máy nhân sự của Ban điều hành và cán bộ công nhân viên nhằm đổi mới chính sách quản trị, tái cấu trúc bộ máy lãnh đạo, kiện toàn nhân sự chủ chốt nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và tạo nền tảng triển khai chiến lược kinh doanh mới.

Đồng thời, chính sách kiểm soát chi phí được siết chặt hơn, đặc biệt là chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Ngoài ra, Công ty đã áp dụng các chính sách bán hàng linh hoạt và phù hợp hơn với từng thời điểm thị trường, tận dụng tốt các cơ hội phục hồi của ngành sợi, giúp cải thiện đáng kể hiệu quả sản xuất kinh doanh.

4. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

Trong thời gian tới, Công ty định hướng nâng cao chất lượng sản phẩm sợi để đáp ứng tốt hơn nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu. Đồng thời, Công ty sẽ đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, tối ưu hóa quy trình quản trị, và tìm kiếm thêm các cơ hội đầu tư mới trong chuỗi cung ứng dệt may. Song song với đó, Công ty duy trì chính sách tài chính thận trọng, tăng cường quản trị rủi ro và từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh bền vững.

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Kế hoạch năm 2025	
		Giá trị	% tăng giảm so với thực hiện năm 2024
Vốn điều lệ	276.059.080.000	276.059.080.000	0
Doanh thu thuần	342.459.873.057	305.000.000.000	-10,9%
Lợi nhuận sau thuế	13.594.782.332	2.000.000.000	-85,3%

Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,97%	0,66%	-83,4%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	4,92%	0,72%	-85,4%

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Trong năm 2024, Công ty tiếp tục thực hiện các cam kết về trách nhiệm môi trường và xã hội trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Về môi trường, Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, thực hiện kiểm soát chất thải và đầu tư cải tiến hệ thống xử lý nước thải, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường xung quanh.

- Về mặt xã hội, Công ty duy trì các chính sách đảm bảo quyền lợi người lao động, bao gồm chế độ tiền lương, bảo hiểm và an toàn lao động. Bên cạnh đó, Công ty tham gia tích cực vào các hoạt động cộng đồng địa phương như hỗ trợ người nghèo, tài trợ giáo dục và hoạt động thiện nguyện, thể hiện tinh thần trách nhiệm với xã hội và cộng đồng nơi doanh nghiệp hoạt động.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty

Trước bối cảnh nhiều biến động từ tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, Công ty vừa đối mặt với không ít thách thức bất lợi, đồng thời cũng ghi nhận những cơ hội mới mở ra cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong điều kiện đó, Hội đồng Quản trị cùng Ban Tổng Giám đốc đã chủ động theo sát định hướng chiến lược, linh hoạt trong điều hành và kiên định với các nhiệm vụ trọng tâm được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua, đảm bảo duy trì ổn định hoạt động và từng bước nâng cao hiệu quả.

Đồng thời, Công ty cũng thực hiện đầy đủ các trách nhiệm về môi trường và xã hội, duy trì môi trường làm việc ổn định, văn minh, đảm bảo quyền lợi chính đáng cho người lao động.

2. Đánh giá của Hội Đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2024, HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng đã thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành khi thực hiện triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT như sau:

- HĐQT kết hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra các kiến nghị thiết thực giúp Tổng Giám đốc/Ban Tổng Giám đốc hoàn thành tốt nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT giao.

- Định kỳ, đại diện BKS báo cáo tại các cuộc họp HĐQT về tình hình quản lý sản xuất kinh doanh tại Công ty; Các rủi ro trọng yếu được phát hiện trong quý, đồng thời đưa ra kế

hoạch hành động để khắc phục và giảm thiểu rủi ro; Báo cáo các cuộc kiểm toán đã thực hiện trong quý, trong đó nêu các phát hiện và giải pháp khắc phục. Qua đó, HĐQT và BKS đánh giá kế hoạch hành động cũng như các giải pháp khắc phục có phù hợp với thực tế hay không để đưa ra các kiến nghị mang tính thực tiễn hơn.

- Định kỳ Tổng Giám đốc báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện các chỉ tiêu được giao trong các cuộc họp HĐQT, kịp thời phát hiện những bất cập, khó khăn để đưa ra hướng giải quyết.

- Căn cứ Điều lệ, những quy chế và quy định đã ban hành. HĐQT giao quyền cho Ban Tổng Giám đốc quyết định công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, đồng thời tổ chức thực hiện các quyết định, kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông giao. Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát bằng các báo cáo định kỳ mỗi quý về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình hoạt động Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá Tổng Giám đốc/Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đồng thời thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông.

3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT

- Tiếp tục giám sát và chỉ đạo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc nhằm thực hiện các kế hoạch kinh doanh năm 2025 trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Ban Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao; Khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân mang lại lợi ích cho Công ty; Đồng thời cũng chỉ đạo Tổng Giám đốc chấn chỉnh thay thế những cán bộ yếu kém, không hoàn thành nhiệm vụ được phân công.

- Song hành với Ban Tổng Giám đốc trong việc xác định các cơ hội mở rộng kinh doanh và hoạch định chiến lược kinh doanh bền vững cho Công ty.

- Hoạch định chiến lược và chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân sự.
- Giám sát tình hình quản lý chi phí, hiệu quả hoạt động của Ban điều hành.
- HĐQT phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát, đảm bảo cung cấp đầy đủ các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban kiểm soát; Tôn trọng tư cách khách quan, độc lập của Ban kiểm soát. HĐQT tạo điều kiện tốt nhất cho các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình; Giám sát việc chấn chỉnh, xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ban kiểm soát.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên:

1. Bà Lê Thị Vân Anh	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 23/09/2024)
2. Ông Mai Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 23/09/2024)
3. Ông Vũ Tuấn Phương	Thành viên HĐQT
4. Bà Nguyễn Thị Mai	Thành viên HĐQT
5. Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân	Thành viên HĐQT
6. Ông Nguyễn Văn Đơn	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 23/09/2024)

b) Các cuộc họp Hội đồng quản trị

Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp trực tiếp. Các cuộc họp đều đã được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

- Hoạt động của HĐQT năm 2024

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Mai Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	08/11	72,7%	Miễn nhiệm ngày 23/09/2024
2	Bà Lê Thị Vân Anh	Chủ tịch HĐQT	11/11	100%	Bổ nhiệm ngày 23/09/2024
3	Ông Vũ Tuấn Phương	Thành viên HĐQT	11/11	100%	
4	Bà Nguyễn Thị Mai	Thành viên HĐQT độc lập	11/11	100%	
5	Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân	Thành viên HĐQT không điều hành	11/11	100%	
6	Ông Nguyễn Văn Đơn	Thành viên HĐQT không điều hành	03/11	27,3%	Bổ nhiệm ngày 23/09/2024

- Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành trong năm 2024

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2024/NQ-HĐQT-VĐ	06/03/2024	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024	100%
2	02/2024/NQ-HĐQT-VĐ	09/04/2024	Gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	100%
3	03/2024/NQ-HĐQT-VĐ	15/04/2024	Chốt danh sách cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	100%
4	04/2024/NQ-HĐQT-VĐ	07/05/2024	Thông qua chủ trương đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần M.A.P Global	100%
5	05/2024/NQ-HĐQT-VĐ	11/05/2024	Thông qua chi tiết phương án đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần M.A.P Global	100%
6	06/2024/NQ-HĐQT-VĐ	13/06/2024	Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính năm 2024	100%
7	07/2024/NQ-HĐQT-VĐ	18/06/2024	Thông qua miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc	100%
8	08/2024/NQ-HĐQT-VĐ	25/07/2024	Thông qua chốt danh sách cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024	100%
9	09/2024/NQ-HĐQT-VĐ	23/09/2024	Bầu chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư &	100%

			Thương mại Vũ Đăng	
10	10/2024/NQ-HĐQT-VĐ	21/11/2024	Thông qua việc thay đổi đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024	100%
11	11/2024/NQ-HĐQT-VĐ	09/12/2024	Thông qua việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần M.A.P Global	100%

c) Đánh giá chung hoạt động của HĐQT năm 2024

Năm 2024, HĐQT đã có nhiều nỗ lực, chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ đối với hoạt động của Ban điều hành trong việc thực hiện các chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã đề ra, cụ thể:

- HĐQT duy trì hoạt động thường xuyên phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty, đảm bảo yêu cầu về số lượng cuộc họp cũng như số lượng thành viên tham dự để đáp ứng tính pháp lý và hiệu quả cuộc họp;
- HĐQT thực hiện tốt vai trò của mình, đảm bảo tối đa quyền lợi của cổ đông;
- HĐQT giám sát việc thực hiện các quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT định hướng và giám sát triển khai các kế hoạch của Công ty cũng như quản lý rủi ro, giám sát, cải thiện quy trình nghiệp vụ kinh doanh.

2. Ban kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn
1	Bà Đoàn Thị Vui	Trưởng BKS	Cử nhân kế toán
2	Bà Phạm Thị Phụng	Thành viên BKS	Cử nhân kế toán
3	Ông Bùi Đình Tiệp	Thành viên BKS	Cử nhân kinh tế

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Kế toán và các văn bản pháp quy có liên quan; giám sát việc chấp hành Điều lệ, Quy chế tổ chức hoạt động và Nghị quyết Đại hội cổ đông trong năm 2024 của Công ty, cụ thể như sau:

- Xem xét tính phù hợp các Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc về quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty; Kiểm soát nội dung, trình tự, thủ tục ban hành các văn bản quy định về công tác quản trị doanh nghiệp;

- Kiểm tra, đánh giá việc xây dựng và thực hiện các Quy trình nghiệp vụ trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện những rủi ro hoặc những thiếu sót, và kiến nghị các giải pháp khắc phục;
- Kiểm tra giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội cổ đông;
- Kiểm tra, giám sát các Báo cáo tài chính định kỳ nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính; Đồng thời phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến Báo cáo tài chính, Giám sát Ban lãnh đạo công ty thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đưa ra;
- Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát	Chức vụ	Lương và thưởng
Bà Lê Thị Vân Anh	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 23/09/2024)	48.000.000
Ông Mai Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 23/09/2024)	96.615.385
Bà Nguyễn Thị Mai	Thành viên HĐQT	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân	Thành viên HĐQT	48.172.900
Ông Nguyễn Văn Đơn	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 23/09/2024)	38.950.000
Ông Vũ Tuấn Phương	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	449.884.615
Ông Vũ Hoàng Nam	Phó Tổng giám đốc	199.153.847
Bà Đoàn Thị Vui	Trưởng BKS	94.527.700
Bà Phạm Thị Phụng	Thành viên BKS	-
Ông Bùi Đình Tiễn	Thành viên BKS	94.844.100

3.2 Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có

3.4 Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Tuân thủ theo quy định

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AIS. Theo ý kiến kiểm toán viên, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán và đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 31/03/2025 tại đường dẫn <https://vudang.vn/>

Nơi nhận:

- UBCKNN, SGDCK;
- Website Công ty;
- Lưu: VT

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC**



VŨ TUÂN PHƯƠNG





MOORE AISC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI
VŨ ĐĂNG**

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01-02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03-04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-08
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10-11
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-35

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI VŨ ĐĂNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng (gọi tắt là "Công ty") chính thức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600986828 cấp lần đầu ngày 05 tháng 4 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 29 tháng 11 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp về việc thay đổi vốn điều lệ của Công ty.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Tên tiếng Anh: Vu Dang Investment & Trading Joint Stock Company.

Tên viết tắt: VuDang.,JSC.

Mã chứng khoán: SVD.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty

Sản xuất và kinh doanh bông, sợi; và kinh doanh thương mại thép, vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng.

Trụ sở chính: Cụm công nghiệp Đông Phong, xã Đông Quan, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, Việt Nam.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Bà	Lê Thị Vân Anh	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 23/9/2024)
		Thành viên (đến ngày 23/9/2024)
Ông	Mai Anh Tuấn	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 23/9/2024)
Ông	Vũ Tuấn Phương	Thành viên
Bà	Nguyễn Thị Thanh Xuân	Thành viên
Bà	Nguyễn Thị Mai	Thành viên
Ông	Nguyễn Văn Đơn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23/9/2024)

Ban Kiểm soát

Bà	Đoàn Thị Vui	Trưởng ban
Bà	Phạm Thị Phương	Thành viên
Ông	Bùi Đình Tiễn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông	Vũ Tuấn Phương	Tổng Giám đốc
Ông	Mai Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 18/6/2024)
Ông	Vũ Hoàng Nam	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Bà	Trần Thị Khánh Linh	Kế toán trưởng
----	---------------------	----------------

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (tiếp theo)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính

Ông Vũ Tuấn Phương

Tổng Giám đốc

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC ("Moore AISC") được bổ nhiệm là đơn vị kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

5. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Công bố danh tính của các bên liên quan của Công ty và tất cả các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan đã phát sinh đầy đủ.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được trình bày ở Thuyết minh của báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có bất kỳ thông tin nào liên quan đến gian lận hoặc nghi ngờ gian lận có thể có ảnh hưởng đến Công ty và liên quan đến: Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty; những nhân viên có vai trò quan trọng trong kiểm soát nội bộ; hoặc các vấn đề khác mà gian lận có thể ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng.

6. Phê duyệt báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, tuân thủ với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Thị Vân Anh

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025



Số: A1124482-R/MOORE AISC-DN5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**KÍNH GỬI QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC****CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI VŨ ĐĂNG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2025, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng** tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của **Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng** cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 26 tháng 3 năm 2024.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC



Lê Hùng Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3174-2025-005-1



Hà Thị Thu

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 5952-2023-005-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		130.605.880.688	198.671.682.742
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6.100.032.634	66.931.582.654
1. Tiền	111		6.100.032.634	16.931.582.654
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	50.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		75.160.272.520	61.031.036.429
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	71.003.330.270	60.512.321.187
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.090.000.000	24.816.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	66.942.250	493.899.242
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	48.811.659.681	70.351.591.928
1. Hàng tồn kho	141		48.811.659.681	70.351.591.928
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		533.915.853	357.471.731
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	533.915.853	98.170.332
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13b	-	259.301.399
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		223.342.777.752	199.852.204.244
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		180.845.565.758	196.633.111.467
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	180.845.565.758	196.595.065.229
- Nguyên giá	222		289.860.157.686	289.860.157.686
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(109.014.591.928)	(93.265.092.457)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	38.046.238
- Nguyên giá	228		202.768.000	202.768.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(202.768.000)	(164.721.762)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	1.149.380.461	524.574.268
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.149.380.461	524.574.268
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	38.000.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		38.000.000.000	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.347.831.533	2.694.518.509
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	3.347.831.533	2.694.518.509
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		353.948.658.440	398.523.886.986

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		94.219.605.139	152.389.616.017
I. Nợ ngắn hạn	310		85.982.404.288	107.126.834.698
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.11	6.389.893.880	4.331.672.692
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	-	8.912.472.612
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13a	3.822.175.854	742.342.002
4. Phải trả người lao động	314		761.000.600	794.193.998
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	89.081.558	223.412.974
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	4.999.575.000	14.681.021.954
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	69.920.677.396	77.441.718.466
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		8.237.200.851	45.262.781.319
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	8.237.200.851	45.262.781.319
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.17	259.729.053.301	246.134.270.969
I. Vốn chủ sở hữu	410		259.729.053.301	246.134.270.969
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		276.059.080.000	276.059.080.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		276.059.080.000	276.059.080.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(156.863.636)	(156.863.636)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(16.173.163.063)	(29.767.945.395)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(29.767.945.395)	6.764.926.158
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.594.782.332	(36.532.871.553)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		353.948.658.440	398.523.886.986



Trần Thị Khánh Linh
Kế toán trưởng kiêm người lập biểu

Tỉnh Thái Bình, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2025



Vũ Tuấn Phương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI VŨ ĐĂNG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B 02 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	342.459.873.057	258.764.636.574
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		342.459.873.057	258.764.636.574
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	314.701.292.986	276.700.336.388
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		27.758.580.071	(17.935.699.814)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.361.541.185	905.046.902
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	11.696.062.293	14.076.620.255
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.378.039.619	13.719.329.206
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5a	16.890.607	144.314.405
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5b	3.493.187.067	5.323.581.478
10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		13.913.981.289	(36.575.169.050)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	72.222	59.757.463
12. Chi phí khác	32	VI.7	59.969.780	17.459.966
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		(59.897.558)	42.297.497
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		13.854.083.731	(36.532.871.553)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	259.301.399	-
16. Chi phí/(Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		13.594.782.332	(36.532.871.553)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	492	(1.323)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	492	(1.323)

Trần Thị Khánh Linh
Kế toán trưởng kiêm người lập biểu

Tỉnh Thái Bình, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2025



Vũ Tuấn Phương
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.854.083.731	(36.532.871.553)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8,9	15.787.545.709	22.854.461.330
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3,4	(249.509)	102.328
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(1.300.000.000)	(574.727.528)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	11.378.039.619	13.719.329.206
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		39.719.419.550	(533.706.217)
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(14.207.704.484)	(15.885.445.510)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		21.539.932.247	44.473.326.165
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(13.489.057.924)	24.699.291.935
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(1.089.058.545)	2.371.043.389
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(11.512.371.035)	(13.766.661.133)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(419.672.603)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		20.961.159.809	40.938.176.026
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(546.337.800)	(524.574.268)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(59.070.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		21.070.000.000	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.300.000.000	574.727.528
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(37.246.337.800)	50.153.260

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	IX.1	105.422.981.162	75.238.719.128
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	IX.2	(149.969.602.700)	(105.976.969.723)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(44.546.621.538)	(30.738.250.595)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		(60.831.799.529)	10.250.078.691
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		66.931.582.654	56.681.606.291
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VI.3,4	249.509	(102.328)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	6.100.032.634	66.931.582.654



Trần Thị Khánh Linh
Kế toán trưởng kiêm người lập biểu

Tỉnh Thái Bình, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2025



Vũ Tuấn Phương
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập

Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng (gọi tắt là "Công ty") chính thức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600986828 cấp lần đầu ngày 05 tháng 4 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 29 tháng 11 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp về việc thay đổi vốn điều lệ của Công ty.

Tên tiếng Anh: Vu Dang Investment & Trading Joint Stock Company.

Tên viết tắt: VuDang.,JSC.

Trụ sở chính: Cụm công nghiệp Đông Phong, xã Đông Quan, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

Các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Sản xuất và kinh doanh bông, sợi; và kinh doanh thương mại thép, vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Trong năm 2024, Công ty đã nỗ lực thực hiện các biện pháp khắc phục, tăng cường hoạt động kinh doanh, giúp cải thiện kết quả, đạt lợi nhuận và hoàn thành mục tiêu lợi nhuận được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 thông qua, cụ thể như sau:

- Năm bắt được thị trường ngành sợi có sự chuyển biến tích cực, Công ty đã xây dựng các chính sách bán hàng phù hợp đối với từng mặt hàng, từng thị trường và từng giai đoạn. Đồng thời, tận dụng các cơ hội của thị trường trong nước, Công ty đã đưa ra các chiến lược kinh doanh, mở rộng thêm các ngành nghề kinh doanh mới nhằm mang lại lợi nhuận cho Công ty;

- Công ty đã thay đổi tăng thời gian khấu hao của một số tài sản cố định theo Quyết định số 1601/QĐ-VĐ/2024 ngày 16 tháng 01 năm 2024. Việc thay đổi này áp dụng cho cả năm 2024, từ đó làm giảm chi phí khấu hao phát sinh trong năm là 7.832.862.492 VND và đồng thời lợi nhuận Công ty tăng 7.832.862.492 VND (xem thuyết minh chi tiết tại V.8 và X.5);

- Công ty cũng đã tiết giảm được chi phí lãi vay bằng cách thanh toán trước hạn các khoản vay dài hạn chưa đến hạn trả tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (việc thanh toán trước hạn đã được áp dụng từ năm trước);

- Ngoài ra, Công ty cũng đã tiết giảm chi phí quản lý tốt hơn so với cùng kỳ năm trước;

- Cũng trong năm 2024, Công ty cũng đã thực hiện cấu trúc lại bộ máy nhân sự của Ban điều hành và cán bộ công nhân viên nhằm đổi mới chính sách quản trị, góp phần cho sự thành công của Công ty.

Các đặc điểm nêu trên đã ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty trong năm 2024.

6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2024: 89 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 82 nhân viên).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Áp dụng cơ sở hoạt động liên tục trong việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần trong ít nhất 12 tháng tới kể từ ngày lập báo cáo tài chính này.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ÁP DỤNG**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Tỷ giá mua quy đổi tại ngày 31/12/2024: 25.250 VND/USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng tổn thất được thực hiện như sau:

+ Khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nguyên vật liệu chính và các chi phí chung có liên quan phát sinh.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất dở dang.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

6.1 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

6.2 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

6.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:	Thời gian khấu hao hiện hành	Thời gian khấu hao trước đây
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 50 năm	06 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	02 - 20 năm	02 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 13 năm	05 - 08 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 06 năm	05 - 06 năm
Phần mềm máy vi tính	05 năm	05 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, chi phí giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất sợi tại Cụm Công nghiệp Đông Phong và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: chi phí mua bảo hiểm, công cụ dụng cụ, tiền đền bù giải phóng mặt bằng trả trước, và các chi phí khác.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng. Riêng chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng tại Nhà máy sản xuất sợi Cụm công nghiệp Đông Phong mà đơn vị tự thực hiện đền bù sẽ được bù trừ (phân bổ) vào tiền thuê đất hàng năm phải đóng cho Cơ quan Thuế cho đến khi hết giá trị cần phân bổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

10. Chính sách tiền lương và các khoản bảo hiểm bắt buộc

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và quy chế tiền lương của Công ty. Theo đó công ty thực hiện việc trích lập các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định (thông tư) của Bộ lao động Thương binh Xã hội ban hành và thay đổi theo từng thời điểm trong năm.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm chi phí là chi phí lãi vay đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận,...

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu do các thành viên góp vốn, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua họp Đại hội đồng Cổ đông hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái, và lãi từ chuyển nhượng các khoản đầu tư của doanh nghiệp.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong kỳ làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty là 20%.

Công ty đã quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đến năm 2021.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

19. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

20. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi, các khoản phải thu và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

21. Các bên liên quan

Theo chuẩn mực kế toán số 26 - Thông tin về các bên liên quan tại công ty như sau:

(i) Những doanh nghiệp kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với doanh nghiệp báo cáo (bao gồm công ty mẹ, công ty con, các công ty con cùng tập đoàn);

(ii) Các công ty liên kết (quy định tại Chuẩn mực kế toán số 07 "Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết");

(iii) Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này. Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi người đó khi giao dịch với doanh nghiệp như quan hệ: Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột;

(iv) Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

21. Các bên liên quan (tiếp theo)

(v) Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trường hợp (iii) hoặc trường hợp (iv) của Mục 1.3 bài viết này nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp. Trường hợp này bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của doanh nghiệp báo cáo và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với doanh nghiệp báo cáo.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

22. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh là bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty chỉ có quy mô tại khu vực tỉnh Thái Bình nên trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh, còn báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền	31/12/2024	01/01/2024
Tiền mặt	2.000.950.271	1.301.493.024
Tiền gửi ngân hàng (i)	4.099.082.363	15.630.089.630
Các khoản tương đương tiền	-	50.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng	-	50.000.000.000
Cộng	6.100.032.634	66.931.582.654

(i) Trong đó, bao gồm khoản tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ tại ngày 31/12/2024 là 200.00 USD, tương đương 5.050.000 VND.

2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn: xem thuyết minh trang 33.

3. Phải thu khách hàng ngắn hạn	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Vượng	16.922.547.600	-	29.107.277.962	-
Công ty Cổ phần Sợi Nghệ Tĩnh	8.762.376.000	-	-	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tuấn Long	10.690.283.832	-	-	-
Các khách hàng khác	34.628.122.838	-	31.405.043.225	-
Cộng	71.003.330.270	-	60.512.321.187	-

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Phi An Phát	2.500.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Tấn Phát	1.500.000.000	-	-	-
Các nhà cung cấp khác	90.000.000	-	24.816.000	-
Cộng	4.090.000.000	-	24.816.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Phải thu khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu tiền gửi tiết kiệm	-	-	62.876.712	-
Ký quỹ, ký cược	-	-	322.602.280	-
Các khoản phải thu khác	66.942.250	-	108.420.250	-
Cộng	66.942.250	-	493.899.242	-

6. Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	37.988.430.027	-	58.317.993.471	-
Công cụ, dụng cụ	2.939.479.957	-	4.326.942.243	-
Thành phẩm	7.107.886.479	-	6.735.379.496	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	775.863.218	-	971.276.718	-
Cộng	48.811.659.681	-	70.351.591.928	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: không có.

- Toàn bộ giá trị hàng tồn kho hiện hữu của Công ty tại thời điểm cuối năm, hàng tồn kho hình thành trong tương lai thuộc quyền quản lý và sử dụng của Công ty đang cầm cố, thế chấp cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (xem thuyết minh V.16).

7. Chi phí trả trước

	31/12/2024	01/01/2024
a. Ngắn hạn	533.915.853	98.170.332
Công cụ, dụng cụ	425.946.379	28.870.332
Chi phí khác	107.969.474	69.300.000
b. Dài hạn	3.347.831.533	2.694.518.509
Công cụ, dụng cụ	796.471.263	21.223.642
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng (i)	2.551.360.270	2.551.360.270
Chi phí khác	-	121.934.597
Cộng	3.881.747.386	2.792.688.841

(i) Khoản tiền mà Công ty đã thanh toán cho các hộ dân liên quan đến phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng để xây dựng nhà máy sản xuất sợi của Công ty tại Cụm công nghiệp Đông Phong, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình theo Tờ trình 01/TTr-HĐGPMB ngày 10/8/2017. Một phần số tiền này sẽ được giảm trừ vào tiền thuê đất hàng năm tại nhà máy sản xuất sợi của Công ty tại Cụm công nghiệp Đông Phong, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình theo Thông báo 402/TB-STC ngày 13/11/2017 của Sở Tài chính Thái Bình và Thông báo số 4551/TB-CT ngày 14/11/2017 của Cục Thuế tỉnh Thái Bình. Số tiền còn lại với giá trị 1.252.041.000 VND sẽ được Cơ quan thuế hoàn trả sau khi kết thúc thời hạn thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình: xem thuyết minh trang 34.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	202.768.000	202.768.000
Số dư cuối năm	202.768.000	202.768.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	164.721.762	164.721.762
<i>Khấu hao trong năm</i>	38.046.238	38.046.238
Số dư cuối năm	202.768.000	202.768.000
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	38.046.238	38.046.238
Số dư cuối năm	-	-

* Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: không có.

* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 202.768.000 VND.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024	01/01/2024
Mua sắm tài sản cố định	483.042.661	404.574.268
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	666.337.800	120.000.000
Cộng	1.149.380.461	524.574.268

**11. Phải trả người bán
ngắn hạn**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Hanali	2.602.183.157	2.602.183.157	-	-
Công ty Cổ phần VMSTEEL	1.087.473.930	1.087.473.930	-	-
Công ty TNHH Tôn Đại Lộc	1.603.182.415	1.603.182.415	-	-
Công ty TNHH Dệt sợi Hưng Long Phú	-	-	811.579.679	811.579.679
Các nhà cung cấp khác	1.097.054.378	1.097.054.378	3.520.093.013	3.520.093.013
Cộng	6.389.893.880	6.389.893.880	4.331.672.692	4.331.672.692

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
a. Khách hàng trong nước	-	5.114.553.310
Công ty TNHH dệt nhuộm Minh Tâm	-	4.900.000.000
Các khách hàng khác	-	214.553.310
b. Khách hàng nước ngoài	-	3.797.919.302
Hongkong Lumena International Co.,ltd	-	3.797.919.302
Cộng	-	8.912.472.612

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	01/01/2024		Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm	31/12/2024
a. Phải nộp					
Thuế giá trị gia tăng	648.543.678		6.031.514.109	2.959.601.461	3.720.456.326
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-		73.682.081	73.682.081	-
Thuế thu nhập cá nhân	93.798.324		46.290.153	38.368.949	101.719.528
Thuế nhà đất và các loại thuế khác	-		170.877.360	170.877.360	-
Cộng	742.342.002		6.322.363.703	3.242.529.851	3.822.175.854
b. Phải thu					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	259.301.399		259.301.399	-	-
Cộng	259.301.399		259.301.399	-	-
14. Chi phí phải trả ngắn hạn				31/12/2024	01/01/2024
Chi phí lãi vay phải trả				89.081.558	223.412.974
Cộng				89.081.558	223.412.974
15. Phải trả ngắn hạn khác				31/12/2024	01/01/2024
Khoản phải trả về việc thanh toán L/C cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình				4.999.575.000	14.681.021.954
Cộng				4.999.575.000	14.681.021.954
16. Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2024		01/01/2024		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a. Ngắn hạn					
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Thái Bình (1)	69.920.677.396	69.920.677.396	77.441.718.466	77.441.718.466	
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả					
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Thái Bình (2)	48.674.957.084	48.674.957.084	42.444.718.466	42.444.718.466	
b. Dài hạn					
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Thái Bình (2)	8.237.200.851	8.237.200.851	45.262.781.319	45.262.781.319	
Cộng	78.157.878.247	78.157.878.247	122.704.499.785	122.704.499.785	

16. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Trình bày thông tin chi tiết các khoản vay Ngân hàng như sau:

- (1) Vay ngắn hạn theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024-HĐCVHM/NHCT360-VUDANG ngày 02/12/2024 với:
- Hạn mức cho vay: 50.000.000.000 VND;

- Thời gian duy trì hạn mức: từ ngày 02/11/2024 đến ngày 30/11/2025;

- Thời hạn vay: theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 6 tháng kể từ ngày nhận nợ;

- Mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Lãi suất vay: theo từng giấy nhận nợ (trung bình 7%/năm);

- Biện pháp đảm bảo: Quyền sử dụng đất của ông Vũ Anh Lương (bố của ông Vũ Tuấn Phương - Tổng Giám đốc Công ty); tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư Xây dựng nhà máy sản xuất sợi OE, máy móc thiết bị, quyền đòi nợ và hàng tồn kho của Công ty.
- (2) Vay dài hạn theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 01/2018-HĐCVDADT/NHCT360-VUDANG ngày 20/4/2018 với:
- Hạn mức cho vay: không vượt quá 99.000.000.000 VND;

- Thời hạn cho vay: 96 tháng;

- Lãi suất cho vay: theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 1 tháng 1 lần (trung bình 7%/năm);

- Biện pháp đảm bảo: Quyền sử dụng đất của ông Vũ Anh Lương (bố của ông Vũ Tuấn Phương - Tổng Giám đốc Công ty); tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư Xây dựng nhà máy sản xuất sợi OE, máy móc thiết bị, quyền đòi nợ và hàng tồn kho của Công ty.

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	276.059.080.000	(156.863.636)	6.764.926.158	282.667.142.522
Lỗ trong năm	-	-	(36.532.871.553)	(36.532.871.553)
Số dư cuối năm trước	276.059.080.000	(156.863.636)	(29.767.945.395)	246.134.270.969
Số dư đầu năm nay	276.059.080.000	(156.863.636)	(29.767.945.395)	246.134.270.969
Lợi nhuận trong năm	-	-	13.594.782.332	13.594.782.332
Số dư cuối năm nay	276.059.080.000	(156.863.636)	(16.173.163.063)	259.729.053.301

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2024	01/01/2024
Ông Vũ Tuấn Phương	19,99%	55.190.600.000	55.190.600.000
Các cổ đông khác	80,01%	220.868.480.000	220.868.480.000
Cộng	100,00%	276.059.080.000	276.059.080.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	276.059.080.000	276.059.080.000
Vốn góp đầu năm	276.059.080.000	276.059.080.000
Vốn góp cuối năm	276.059.080.000	276.059.080.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

d. Cổ phiếu	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.605.908	27.605.908
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.605.908	27.605.908
Cổ phiếu phổ thông	27.605.908	27.605.908
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	31/12/2024		01/01/2024	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Ngoại tệ (USD)	200,00	5.050.000	200,00	4.801.000
Cộng	200,00	5.050.000	200,00	4.801.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	342.459.873.057	258.764.636.574
Cộng	342.459.873.057	258.764.636.574
2. Giá vốn hàng bán	Năm 2024	Năm 2023
Giá vốn của hàng hóa đã bán và cung cấp dịch vụ	314.701.292.986	276.700.336.388
Cộng	314.701.292.986	276.700.336.388
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền gửi ngân hàng	61.291.676	574.727.528
Lãi từ chuyển nhượng các khoản đầu tư	1.300.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	-	330.319.374
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	249.509	-
Cộng	1.361.541.185	905.046.902
4. Chi phí tài chính	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí lãi vay	11.378.039.619	13.719.329.206
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	-	102.328
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	318.022.674	357.188.721
Cộng	11.696.062.293	14.076.620.255

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2024	Năm 2023
5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.107.007	84.186.811
Chi phí bằng tiền khác	2.783.600	60.127.594
Cộng	16.890.607	144.314.405
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	1.987.851.467	1.827.785.675
Chi phí dụng cụ văn phòng	26.550.003	33.711.108
Chi phí khấu hao tài sản cố định	520.138.240	1.132.052.202
Thuế, phí, lệ phí	174.857.370	347.791.041
Chi phí dịch vụ mua ngoài	490.541.011	556.329.771
Chi phí bằng tiền khác	293.248.976	1.425.911.681
Cộng	3.493.187.067	5.323.581.478
6. Thu nhập khác	Năm 2024	Năm 2023
Các khoản khác	72.222	59.757.463
Cộng	72.222	59.757.463
7. Chi phí khác	Năm 2024	Năm 2023
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	47.030.836	46.156
Các khoản khác	12.938.944	17.413.810
Cộng	59.969.780	17.459.966
8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	121.341.868.379	87.596.499.841
Chi phí nhân công	9.103.708.438	7.764.550.069
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.787.545.709	22.854.461.330
Thuế phí, lệ phí	174.857.370	347.791.041
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.551.677.420	7.096.345.224
Chi phí khác bằng tiền	344.987.126	1.578.337.847
Cộng	158.304.644.442	127.237.985.352

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2024	Năm 2023
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.854.083.731	(36.532.871.553)
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	46.781.327	46.156
Các khoản điều chỉnh tăng	47.030.836	46.156
+ Chi phí không được trừ	47.030.836	46.156
Các khoản điều chỉnh giảm	249.509	-
+ Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại tiền và các khoản phải thu	249.509	-
3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành (1+2)	13.900.865.058	(36.532.825.397)
4. Lỗ các năm trước chuyển sang (**)	(13.900.865.058)	-
5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	-	-
6. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
7. Thuế TNDN được điều chỉnh các năm trước	259.301.399	-
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm (*)	259.301.399	-

(*) Nghĩa vụ của Công ty về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật, các văn bản dưới luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cụ thể của cơ quan thuế.

(**) Các khoản chuyển lỗ tính thuế của Công ty có thể được bù trừ với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai trong vòng 05 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Khoản lỗ tính thuế thực tế nào có thể được chuyển qua các năm sau thì phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo.

Các khoản lỗ tính thuế ước tính có thể bù trừ vào lợi nhuận chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

(đồng VN)

Năm phát sinh	Tình trạng kiểm tra của cơ quan thuế	Số lỗ phát sinh	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau
Năm 2023	Chưa quyết toán	36.532.825.397	-	36.532.825.397
Năm 2024	Chưa quyết toán	-	13.900.865.058	22.631.960.339

Công ty không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì khả năng Công ty có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.594.782.332	(36.532.871.553)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.594.782.332	(36.532.871.553)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	27.605.908	27.605.908
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	492	(1.323)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.594.782.332	(36.532.871.553)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	13.594.782.332	(36.532.871.553)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	27.605.908	27.605.908
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	27.605.908	27.605.908
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	492	(1.323)

VII. MỤC TIÊU VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản vay) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (VND)
Năm 2024		
VND	+100	(740.587.959)
VND	-100	740.587.959
Năm 2023		
VND	+100	(1.070.744.102)
VND	-100	1.070.744.102

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	69.920.677.396	8.237.200.851	-	78.157.878.247
Phải trả người bán	6.389.893.880	-	-	6.389.893.880
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	5.088.656.558	-	-	5.088.656.558
Cộng	81.399.227.834	8.237.200.851	-	89.636.428.685
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	77.441.718.466	45.262.781.319	-	122.704.499.785
Phải trả người bán	4.331.672.692	-	-	4.331.672.692
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	14.904.434.928	-	-	14.904.434.928
Cộng	96.677.826.086	45.262.781.319	-	141.940.607.405

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần tài sản cố định, các quyền đòi nợ và toàn bộ hàng tồn kho của Công ty làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các Ngân hàng (Thuyết minh số V.16 - Vay và nợ thuê tài chính).

Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của ông Vũ Anh Lương (bố của ông Vũ Tuấn Phương - Tổng Giám đốc Công ty) làm thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ các Ngân hàng (Thuyết minh số V.16 - Vay và nợ thuê tài chính).

VIII. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH: xem thuyết minh trang 35.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản phải trả người bán, vay, chi phí phải trả và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

IX. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

Cộng

Năm 2024	Năm 2023
105.422.981.162	75.238.719.128
105.422.981.162	75.238.719.128

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường
Cộng

Năm 2024	Năm 2023
149.969.602.700	105.976.969.723
149.969.602.700	105.976.969.723

X. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Không có khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và thông tin tài chính nào phát sinh kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Bà Lê Thị Vân Anh

Ông Mai Anh Tuấn

Ông Vũ Tuấn Phương

Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân

Bà Nguyễn Thị Mai

Ông Nguyễn Văn Đơn

Bà Đoàn Thị Vui

Bà Phạm Thị Phương

Ông Bùi Đình Tiệp

Ông Vũ Hoàng Nam

Ông Vũ Anh Lương

Mối quan hệ

Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 23/9/2024)

Thành viên (đến ngày 23/9/2024)

Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 23/9/2024)

Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 23/9/2024)

Trưởng Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát

Phó Tổng Giám đốc

Bên liên quan của Thành viên HĐQT/ TGD (Vũ Tuấn Phương)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị		Năm 2024	Năm 2023
Bà Lê Thị Vân Anh	Lương và thưởng	48.000.000	65.965.127
Ông Mai Anh Tuấn	Lương và thưởng	96.615.385	204.000.000
Bà Hoàng Thu Hương	Lương và thưởng	-	56.100.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân	Lương và thưởng	48.172.900	40.307.692
Ông Nguyễn Văn Đơn	Lương và thưởng	38.950.000	-
Cộng		231.738.285	366.372.819
Thu nhập của Ban Giám đốc		Năm 2024	Năm 2023
Ông Vũ Tuấn Phương	Lương và thưởng	449.884.615	462.000.000
Ông Vũ Hoàng Nam	Lương và thưởng	199.153.847	204.000.000
Cộng		649.038.462	666.000.000
Thu nhập của Ban Kiểm soát		Năm 2024	Năm 2023
Bà Đoàn Thị Vui	Lương và thưởng	94.527.700	24.307.690
Bà Phạm Thị Phụng	Lương và thưởng	-	-
Ông Bùi Đình Tiệp	Lương và thưởng	94.844.100	-
Cộng		189.371.800	24.307.690

Cam kết bảo lãnh

Công ty đã dùng quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại số nhà 11 - ngõ H - khu tập thể F361, tổ dân phố Tân Xuân 1, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội của ông Vũ Anh Lưỡng (bố của ông Vũ Tuấn Phương - Tổng Giám đốc Công ty) với giá trị tài sản đảm bảo được ngân hàng định giá là 3.121.000.000 VND làm tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Thái Bình (xem thêm thuyết minh số V.16).

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm hàng hóa và dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp. Do vậy, báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Công ty báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh: bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo bộ phận như sau:

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bộ phận	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	342.459.873.057	314.701.292.986	27.758.580.071
Cộng	342.459.873.057	314.701.292.986	27.758.580.071

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bộ phận	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	258.764.636.574	276.700.336.388	(17.935.699.814)
Cộng	258.764.636.574	276.700.336.388	(17.935.699.814)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (tiếp theo)

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (hoạt động trong nước và ngoài nước)

Công ty báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh: bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong khu vực địa lý Việt Nam và xuất khẩu. Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo bộ phận như sau:

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bộ phận	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Hoạt động xuất khẩu	479.093.033	438.652.866	40.440.167
Hoạt động nội địa	341.980.780.024	314.262.640.120	27.718.139.904
Cộng	342.459.873.057	314.701.292.986	27.758.580.071

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bộ phận	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Hoạt động xuất khẩu	8.591.043.118	7.911.717.903	679.325.215
Hoạt động nội địa	250.173.593.456	268.788.618.485	(18.615.025.029)
Cộng	258.764.636.574	276.700.336.388	(17.935.699.814)

5. Trình bày thay đổi ước tính kế toán

Trong năm 2024, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao tài sản cố định hữu hình, (xem thuyết minh số V.8). Ban Tổng Giám đốc tin rằng việc áp dụng thời gian mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng và tuổi thọ kỹ thuật của tài sản cố định của Công ty. Nếu áp dụng thời gian khấu hao trước đây được tiếp tục sử dụng, chi phí khấu hao năm nay tăng 7.832.862.492 VND, cụ thể như sau:

Năm 2024	Thời gian khấu hao mới	Thời gian khấu hao cũ	Chênh lệch
Chi phí khấu hao	15.787.545.709	23.620.408.201	(7.832.862.492)

6. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai



Trần Thị Khánh Linh
Kế toán trưởng kiêm người lập biểu

Tỉnh Thái Bình, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2025



Vũ Tuấn Phương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI VŨ ĐĂNG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Hoạt động chính	31/12/2024				01/01/2024			
		Tình trạng	Tỷ lệ sở hữu (%)		Tỷ lệ biểu quyết (%)	Giá gốc (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)		Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần M.A.P Global (I)	Sản xuất, thương mại	Đang hoạt động	19,00%	19,00%	19,00%	38.000.000.000	0,00%	0,00%	-
Cộng						38.000.000.000			-

(i) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 05/2024/NQ-HĐQT-VĐ ngày 11/5/2024 và các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần được ký kết, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 5.800.000 cổ phần của Công ty Cổ phần M.A.P Global, tương ứng 29% vốn điều lệ với giá là 58.000.000.000 VND. Đến tháng 12/2024, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 11/2024/NQ-HĐQT-VĐ và các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần được ký kết, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 2.000.000 cổ phần, tương ứng 10% vốn điều lệ tại Công ty này cho các nhà đầu tư khác với giá trị chuyển nhượng là 21.300.000.000 VND và ghi nhận khoản lãi 1.300.000.000 VND vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (xem thuyết minh VI.3 - Doanh thu tài chính). Công ty đã thu tiền toàn bộ giá trị chuyển nhượng trên. Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty tại Công ty này tại ngày 31/12/2024 là 19%.

Giá trị hợp lý tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 của các khoản đầu tư vào các đơn vị chưa đại chúng đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này. Do vậy, Công ty trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác căn cứ vào báo cáo tài chính của công ty được đầu tư theo phương pháp giá gốc trừ dự phòng suy giảm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI VỮ ĐĂNG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.8. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	52.495.892.826	235.570.359.610	1.646.637.976	147.267.274	289.860.157.686
<i>Phân loại lại</i>	-	(767.159.371)	767.159.371	-	-
Số dư cuối năm	52.495.892.826	234.803.200.239	2.413.797.347	147.267.274	289.860.157.686
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	13.954.580.694	77.950.127.854	1.224.308.077	136.075.832	93.265.092.457
<i>Khấu hao trong năm (**)</i>	1.350.412.200	14.070.466.085	318.954.514	9.666.672	15.749.499.471
<i>Phân loại lại</i>	-	(113.136.708)	113.136.708	-	-
Số dư cuối năm	15.304.992.894	91.907.457.231	1.656.399.299	145.742.504	109.014.591.928
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	38.541.312.132	157.620.231.756	422.329.899	11.191.442	196.595.065.229
Số dư cuối năm	37.190.899.932	142.895.743.008	757.398.048	1.524.770	180.845.565.758

* Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 167.166.509.671 VND

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 296.520.449 VND.

(**) Công ty đã thay đổi tăng thời gian khấu hao của một số tài sản cố định theo Quyết định số 1601/QĐ-VĐ/2024 ngày 16 tháng 01 năm 2024. Việc thay đổi này áp dụng cho cả năm 2024, từ đó làm giảm chi phí khấu hao phát sinh trong năm là 7.832.862.492 VND và đồng thời lợi nhuận Công ty tăng 7.832.862.492 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2024		31/12/2023		31/12/2024	31/12/2023
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Phải thu khách hàng	71.003.330.270	-	60.512.321.187	-	71.003.330.270	60.512.321.187
- Phải thu khác	66.942.250	-	493.899.242	-	66.942.250	493.899.242
- Tiền và các khoản tương đương tiền	6.100.032.634	-	66.931.582.654	-	6.100.032.634	66.931.582.654
TỔNG CỘNG	77.170.305.154	-	127.937.803.083	-	77.170.305.154	127.937.803.083
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	78.157.878.247	-	122.704.499.785	-	78.157.878.247	122.704.499.785
- Phải trả người bán	6.389.893.880	-	4.331.672.692	-	6.389.893.880	4.331.672.692
- Chi phí phải trả và phải trả khác	5.088.656.558	-	14.904.434.928	-	5.088.656.558	14.904.434.928
TỔNG CỘNG	89.636.428.685	-	141.940.607.405	-	89.636.428.685	141.940.607.405